

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 14-01-2022
V/V “tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 132/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đàm Lê Lâm B- Chủ hộ kinh doanh Đàm Lê Lâm B (hộ ông B. Địa chỉ: ấp 2, thửa đất số A, tờ bản đồ B, xã Phước Vĩnh T, huyện Cần G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo Y. Địa chỉ: ấp 2, thửa đất số A, tờ bản đồ B, xã Phước Vĩnh T, huyện Cần G, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L.

Ông Châu Văn B.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-10-2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Bảo Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 01 tháng 7 năm 2021, hộ kinh doanh của ông Đàm Lê Lâm (hộ ông B) với ông Châu Văn B, bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi tôm, mỗi vụ chăn nuôi tôm khoảng 02-03 tháng đối với tôm thẻ, thanh toán nợ một lần. Tính đến tháng 9 năm 2021 hai bên đối chiếu nợ thì ông B, bà L còn nợ lại hộ ông B

tổng cộng là 130.500.000 đồng tiền vốn. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán hộ ông B đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông B, bà L không trả vốn mua bán cho hộ ông B là 130.500.000 đồng theo thỏa thuận của hợp đồng đã ký. Nay hộ ông B yêu cầu ông B, bà L phải liên đới trả 130.500.000 đồng vốn mua bán, tính lãi chậm trả là 3.249.000 đồng (tính từ ngày 02/9/2021- 07/12/2021), tổng cộng vốn mua bán và lãi là 133.749.000 đồng, hộ ông B yêu cầu ông B, bà L trả trong một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Theo thông tin được biết thì ông B, bà L đã có thu hoạch tôm nhưng không trả vốn mua bán cho hộ ông B.

Tại đơn đề nghị xin vắng mặt ngày 12 tháng 01 năm 2022, bà Nguyễn Thị Bảo Y là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Hộ ông B yêu cầu ông B, bà L phải liên đới trả 130.500.000 đồng vốn mua bán, tính lãi chậm trả với lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền là 4.765.000 đồng (tính từ ngày 02/9/2021- 14/01/2022 là 04 tháng 12 ngày), tổng cộng vốn mua bán và lãi chậm trả là 135.265.000 đồng, hộ ông B yêu cầu ông B, bà L trả trong một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 07 tháng 12 năm 2021 ông Châu Văn B là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà Y là người đại diện theo ủy quyền của hộ ông B là đúng. Trước yêu cầu của hộ ông B, yêu cầu vợ chồng ông trả tổng cộng vốn mua bán và lãi chậm trả là 135.265.000 đồng, vợ chồng ông đồng ý trả cho hộ ông B. Ông, bà L xin trả dần một tháng 20.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, thời gian bắt đầu trả tính từ ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Bà Nguyễn Thị L là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Hộ kinh doanh của ông Lâm B (hộ ông B) khởi kiện bà Nguyễn Thị L, ông Châu Văn B về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà Y xin vắng mặt, ông B, bà L vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hộ ông B yêu cầu bà L, ông B phải trả cho hộ ông B là 135.265.000 đồng tiền vốn mua bán và lãi chậm trả.

Xét thấy qua quá trình hòa giải hai bên đương sự thống nhất bà L, ông B còn nợ hộ ông B 135.265.000 đồng tiền vốn mua bán và lãi chậm trả.

Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 07 tháng 12 năm 2021, ông B đồng ý trả cho hộ ông B số tiền 135.265.000 đồng tiền vốn mua bán và lãi chậm trả. Ông B, bà L xin trả dần một tháng 20.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, thời gian bắt đầu trả tính từ ngày 15/02/2022 nhưng không được hộ ông B đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông B, bà L phải có trách nhiệm liên đới trả cho hộ ông B với số tiền là 135.265.000 đồng

tiền vốn mua bán và lãi chậm trả theo quy định tại các điều 288, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông B, bà L vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông B, bà L cũng mặc nhiên thừa nhận việc khởi kiện của hộ ông B đối với ông B và bà L.

[3] Về án phí:

Hộ ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông B, bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 357, 288, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Lê Lâm B- Chủ hộ kinh doanh Đàm Lê Lâm B (hộ ông B) về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với bà Nguyễn Thị L, ông Châu Văn B.

Buộc bà Nguyễn Thị L, ông Châu Văn B phải liên đới trả cho hộ ông B tổng cộng là 135.265.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền vốn mua bán và lãi chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Hộ ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hộ ông B được nhận lại 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007605 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà L, ông B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 6.763.250 đồng (sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí